

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGÂN SƠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-01-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Nhung.

2. Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị K, sinh năm 1983; thường trú: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Sầm Đức T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1979; thường trú: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-5-2020, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Trương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 09/9/2016. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại hai nơi là Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao

Bằng và Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến ngày 22/6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghiện rượu, không lo làm ăn, không dành thời gian chăm sóc vợ con. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị bị anh C đánh đập nhiều lần. Mâu thuẫn đã được địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn. Chị đã báo với trưởng Khu C đến giải quyết mâu thuẫn. Trên Xóm N, chị đã gọi trưởng xóm, công an viên nhiều lần đến giải quyết và có lập biên bản về sự việc mâu thuẫn. Chị K đã nhẫn nhịn rất nhiều, cố gắng rất nhiều để vợ chồng hàn gắn cùng nhau nuôi dưỡng con nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 16/7/2019 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 20/7/2016. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu L đang sống với mẹ. Nguyên vọng của chị K sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, ngày 27/11/2020, tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, chị K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do anh C không có mặt thường xuyên tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án (mẹ bị đơn là bà Hoàng Thị H đã thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu xin ly hôn của chị K nhưng bị đơn không về giải quyết), nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trương Văn C đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 30/12/2020, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn Trương Văn C vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2.

Biên bản xác minh ngày 27/10/2020 đối với bà Lưu Thị N – Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Là Trưởng Khu C từ năm 2007 đến năm 2017) xác nhận: Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng chị K, anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C là người nghiện rượu, thường xuyên uống rượu khi say luôn chửi bới, đánh đập chị K. Bà N đã được chị K mời đến chứng kiến và hòa giải mâu thuẫn nhiều lần.

Biên bản ghi lời khai bà Hoàng Thị H mẹ của Trương Văn C trình bày: Bà đã nhận được các giấy triệu tập của Tòa án về việc triệu tập C, bà đã báo cho C biết nhưng anh C không chịu về giải quyết. Trong quá trình sinh sống hai vợ chồng K C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đánh nhau. Nguyên nhân là do C thường xuyên uống rượu, đánh chửi chị K. Anh C không có việc làm, tài sản riêng gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn C; yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trương Ngọc L, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng DS của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48/BLTTDS 2015; thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định, thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS, người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71/BLTTDS 2015.

+ Đối với bị đơn anh Trương Văn C đã được Tòa án thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng không có văn bản gửi ý kiến cho Tòa án, không có mặt khi được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp cung cấp, kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải - vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định các điều Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị K về việc ly hôn với anh Trương Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Ngọc L cho chị Trương Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Trương Ngọc L, mức cấp dưỡng là 800.000đ/tháng đến 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Chị Trương Thị K được miễn án phí theo quy định.

Anh Trương Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị K khởi kiện anh C yêu cầu được ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh C có nơi cư trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 30/12/2020 và ngày 12/01/2021 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2016, ngày 09/9/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị K xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do anh C nghiện rượu, không lo làm ăn, không dành thời gian chăm sóc vợ con. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị bị anh C đánh đập nhiều lần. Mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn. Chị K đã cố gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không thay đổi. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị K xác định không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Chị K xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh C đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, mâu thuẫn đã được địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, chứng tỏ mâu

thuần giữa chị K và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) người con chung tên Trương Ngọc L, sinh ngày 20/7/2016. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu L đang ở với chị K. Nguyên vọng của chị K sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L từ trước đến nay sống cùng mẹ, được sự chăm sóc từ người mẹ, cháu được đi học và phát triển tốt. Vì vậy, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định cha, mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên. Khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về mức cấp dưỡng: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Do anh C vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử, không thể thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy việc cấp dưỡng giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K có cung cấp 01 giấy xác nhận về chi phí học tập trong 1 năm học của cháu Trương Ngọc L tại trường mầm non B, huyện H, tỉnh Cao Bằng là 610.200 đồng có xác nhận của lãnh đạo nhà trường. Bên cạnh chi phí học tập, cháu L còn cần các chi phí khác phục vụ sinh hoạt hàng ngày như: tiền ăn, tiền quần áo, đồ dùng học tập..., đây là nhu cầu thiết yếu trong học tập và sinh hoạt của cháu L. Ngoài ra, theo thống kê mức thu nhập trung bình mỗi người trong năm tại xã B năm 2019 là 23.366.000đ/người/năm, bình quân 1.947.166đ/người/tháng. Chị K là người khuyết tật nặng (bị mù cả hai mắt), gia đình thuộc diện hộ nghèo, chị có việc làm nhưng thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị K đối với anh C là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị K.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị K là người khuyết tật, gia đình thuộc diện hộ nghèo, chị K có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly

hôn theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 5 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và các Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị K đối với anh Trương Văn C về việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị K được ly hôn với anh Trương Văn C.
- Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc L, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Trương Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Trương Văn C theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- UBND xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ